

Bản án số: **79/2019/HS-PT**

Ngày: 25/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Các Thẩm phán: 1 Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**;

2 Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Hữu Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Phạm Thị Ánh T do có kháng nghị của của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo không kháng cáo:

1. Nguyễn Văn M (Lạc), sinh năm 1966, tại tỉnh Long An;

Nơi cư trú: 12Q, đường L, Phường 10, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ học vấn: 1/12; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1922 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1929 (đã chết); Anh, chị, em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1948, nhỏ nhất sinh năm 1968, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Vợ: Đặng Thị P, sinh năm 1966, ngụ 12Q, đường L, Phường 10, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, nghề nghiệp: Công nhân; Con: Có 02 con, lớn sinh năm: 1988, nhỏ sinh năm 1990;

Năm 1993, Tòa án nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Năm 2000, Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Năm 2007, Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 2013, Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

(Tất cả đã được xóa án tích).

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày 24/12/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1972, tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Nơi cư trú: C6/24 Tỉnh Lộ 10, phường B, Quận BT, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Hồ Ngọc T (đã chết); Mẹ: Phạm Thị H, sinh năm 1950; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1986, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Nguyễn Văn P, sinh năm 1970, ngụ xã VL, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: công nhân; Con: Có 01 con tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994, ngụ hẻm 541, Tỉnh lộ 10, phường B, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Công nhân; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam ngày 24/12/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra bản án có 02 bị hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo.

-Viện kiểm sát nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 280/QĐ - VKSTXGC ngày 03/6/2019 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 23/12/2018, bị cáo Nguyễn Văn M tên thường gọi: Lạc, sinh năm 1966, điều khiển xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu Wave Alpha mang biển kiểm soát số 59F1-465.11 đến nhà của bị cáo Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1972, rủ bị cáo Phạm Thị Ánh T đi trộm xe mô tô ba bánh (xe ba gác máy) ở thị xã G, bị cáo Phạm Thị Ánh T đồng ý. Trước khi đi, bị cáo Nguyễn Văn M chuẩn bị 01 kim cộng lực, 01 biển số giả 61L7-4712, 01 giấy đăng ký xe giả biển số 61L7-4712, 01 cái kim nhỏ, 01 cái chìa khóa số 10 và 01 chìa khóa hình chữ L.

Bị cáo Nguyễn Văn M chở bị cáo Phạm Thị Ánh T từ hướng thành phố Hồ Chí Minh về thị xã G trên tuyến Quốc lộ 50. Sau khi chạy qua cầu Mỹ Lợi, bị cáo

Nguyễn Văn M thấy có 01 xe mô tô ba bánh mang biển kiểm soát 63H5-2528 của anh Đào Ngọc H sinh năm 1981, ngụ ấp Ông Cai, xã T, thị xã G đang đậu trong sân nhà. Bị cáo Nguyễn Văn M quan sát xung quanh thấy không có người, khu vực không có đèn đường nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô ba bánh này. Bị cáo Nguyễn Văn M điều khiển xe quay lại và đậu xe bên kia đường, kêu bị cáo Phạm Thị Ánh T trông chừng xe, cảnh giới để bị cáo Nguyễn Văn M đi qua đường lấy trộm xe. Bị cáo Nguyễn Văn M cầm kim còng lực đi qua đường, dùng kim cắt ở khóa, mở cửa rào, đẩy xe ra ngoài đường, bứt dây điện để khởi động máy điều khiển chạy về hướng thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Thị Ánh T điều khiển xe mô tô 59F1-465.11 chạy theo phía sau. Chạy được một đoạn, bị cáo Nguyễn Văn M dừng xe lại, thay biển số giả 61L7-4712 đã mang theo trước đó, bị cáo Phạm Thị Ánh T đứng đợi. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Phạm Thị Ánh T tiếp tục điều khiển xe chạy về hướng thành phố Hồ Chí Minh, đến trạm thu phí cầu Mỹ Lợi thuộc ấp H, xã B, thị xã G thì bị Công an thị xã G bắt giữ.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Phạm Thị Ánh T còn thừa nhận đã thực hiện vụ trộm mô tô ba bánh biển số 61L8-3456 của ông Lê Tấn N, sinh năm 1959, ngụ ấp Ô, xã T, thị xã G vào ngày 07/12/2018, nội dung như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 07/12/2018, bị cáo Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô 59F1-46511 đến nhà của bị cáo Phạm Thị Ánh T để rủ đi trộm xe mô tô ba bánh (xe ba gác máy), bị cáo Phạm Thị Ánh T đồng ý. bị cáo Nguyễn Văn M chở bị cáo Phạm Thị Ánh T từ thành phố Hồ Chí Minh về thị xã G trên Quốc lộ 50, đến đoạn đường trước cửa hàng vật liệu xây dựng Tấn Phát của ông Lê Tấn N, bị cáo Nguyễn Văn M thấy xe mô tô ba bánh 61L8-3456 dựng trong cửa hàng, bên ngoài có rào lưới B40 nên xảy sinh ý định trộm xe ba gác này. Quan sát xung quanh không có người, bị cáo Nguyễn Văn M kêu bị cáo Phạm Thị Ánh T đứng bên ngoài giữ xe, bị cáo Nguyễn Văn M kéo lưới B40 sang một bên, đi vào trong bứt dây điện và điều khiển xe chạy về hướng thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Thị Ánh T điều khiển xe mô tô 59F1-465.11 chạy phía sau và chạy về nhà. Còn bị cáo Nguyễn Văn M đem xe bán cho 01 người đàn ông không rõ lai lịch ở khu vực vòng xoay Lý Thái Tổ, thành phố Hồ Chí Minh với giá là 7.000.000 đồng, hiện không thu hồi được xe mô tô ba bánh 61L8-3456. Số tiền bán xe được, bị cáo Nguyễn Văn M thỉnh thoảng cho bị cáo Phạm Thị Ánh T từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng để mua thức ăn, phần tiền còn lại thì bị cáo Nguyễn Văn M tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá số 37/KL-HĐĐG ngày 02/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã G thì 01 xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, loại xe ba bánh, màu xanh, biển số 63H5-2528 giá 15.750.000 đồng.

Theo Kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã G thì 01 xe mô tô ba bánh biển số 61L1-3456, số khung: 162MK21H, số máy: HKZ-006280 giá 15.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 23 tháng 05 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ánh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/06/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G có Quyết định kháng nghị số 280/QĐ - VKSTXGC ngày 03/6/2019 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M: áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Phạm Thị Ánh T: áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị số 280/ QĐ - VKSTXGC ngày 03/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã G. Viện kiểm sát cho rằng bản án sơ thẩm có phần thiếu sót, phần quyết định có nhiều mâu thuẫn như:

+ Bị cáo Nguyễn Văn M có 04 tiền án nhưng đã được xóa nên lần phạm tội này thuộc khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự nhưng bản án của cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 2 điều 173 là tái phạm nguy hiểm là không phù hợp, bất lợi và tuyên bị cáo 02 năm 06 tháng là có phần nghiêm khắc;

+ Bị cáo M và bị cáo T phạm tội trộm cắp tài sản 02 lần, mỗi lần định lượng trên 2.000.000 đồng nhưng hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự là không phù hợp.

+ Bị cáo M rủ rê bị cáo T cùng đi trộm nên đây là vụ án có đồng phạm giản đơn nhưng hội đồng xét xử không áp dụng điều 17 Bộ luật hình sự là có thiếu sót.

+ Bị cáo M có 04 tiền án đã được xóa án tích, bị cáo T không có tiền án tiền sự. Hội đồng xét xử đã có nhận định áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự cho 02 bị cáo, nhưng phần quyết định không áp dụng là có thiếu sót.

Sau cùng Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 280/QĐ - VKSTXGC ngày 03/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã G theo hướng sửa bản án sơ thẩm:

+ Bị cáo M áp dụng khoản 1 điều 173; điều 17; điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo M từ 03 đến 06 tháng tù.

+ Bị cáo T thì giữ nguyên mức hình phạt, nhưng áp dụng thêm điểm g khoản 1 điều 52; điều 17, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M và bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của án sơ thẩm đã xét xử. Đồng thời, các bị cáo cho rằng mức hình phạt mà tòa sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên các bị cáo không kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/ Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Vào các ngày 7 và ngày 23/12/2018 bị cáo Nguyễn Văn M và Phạm Thị Ánh T đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 xe mô tô ba bánh của anh Đào Ngọc H và Lê Tấn N để bán lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 30.750.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn M và Phạm Thị Ánh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở đúng pháp luật.

2/ Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Nhận thức được điều đó, vậy mà bị cáo đã cố ý lợi dụng sự mất cảnh giác chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản, với động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lười lao động, nhưng thích hưởng thụ bằng cách chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp pháp luật.

3/ Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không kháng cáo.

Ngày 03/06/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công có Quyết định kháng nghị số 280/QĐ - VKSTXGC ngày 03/6/2019 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo M và bị cáo T cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm xe mô tô 3 bánh trên địa bàn Thị xã G, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 30.750.000 đồng. Phần

nội dung của bản án cấp sơ thẩm có nhận định: đây là vụ án có đồng phạm giản đơn; giá trị tài sản trộm được đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Các bị cáo phạm tội 02 lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo M có tình tiết giảm nhẹ là điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ là điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự

Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án áp dụng các điều luật lại mâu thuẫn với phần nhận định, cụ thể:

+ Đối với bị cáo M: Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo T: Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự.

Cấp sơ thẩm áp dụng các điều luật trên là không đúng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội, gây bất lợi cho bị cáo nên cấp phúc thẩm cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung vụ án.

Ngoài ra, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã G còn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo M từ 03 đến 06 tháng tù. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù đã được xóa án tích nhưng xét về nhân thân của bị cáo M là không tốt, bị cáo có 04 tiền án về tội chiếm đoạt, sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo không chí thú làm ăn để trở thành người có ích cho xã hội mà lại rủ rê bị cáo T đi trộm cắp tài sản, chứng tỏ bị cáo có thái độ xem thường pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo M và bị cáo T không kháng cáo nên hội đồng xét xử thiết nghĩ cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo M.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Gò Công, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; điểm b khoản 1 điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Chấp nhận một phần kháng nghị số 280/QĐ - VKSTXGC ngày 03/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm 13/2019/HS-ST ngày 23 tháng 05 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ánh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2018.

2/ Về án phí : Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã G, tỉnh TG;
- VKSND thị xã G, tỉnh TG;
- Công an thị xã G, tỉnh TG;
- THADS thị xã G, tỉnh TG;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thơ